

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2021

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đẻ.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2- *Bị đơn:* Anh L1, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà H (thường gọi D), sinh năm 1951; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày:

Năm 2016 anh chị cưới nhau, đến ngày 05/7/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Chị L trình bày vợ chồng có một người con chung là L3, sinh ngày 01/11/2018, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng. Tài sản vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại không nợ ai.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh L1 trình bày:

Anh L1 thống nhất lời trình bày của chị L về kết hôn, con chung. Còn về mâu thuẫn thì anh không thống nhất; vợ chồng sống chung với nhau không thể không có cự cãi, nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không lớn nên không thống nhất ly hôn. Anh L1 yêu cầu được nuôi con, vì giao con cho chị L nuôi anh muốn thăm hay rước con rất khó khăn. Tài sản anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Trước đây có vay của bà H 01 lượng vàng 24 kara nhưng đã trả nợ gốc rồi, chỉ còn nợ tiền lãi 03 năm là 36.000.000 đồng, anh không yêu cầu gì về số nợ này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H vắng mặt phiên tòa nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 26/10/2021 bà H trình bày:

Năm 2018 vợ chồng anh L1 có vay 01 lượng vàng, lãi 1.000.000 đồng/tháng. Đến nay thì đã trả được vốn, còn lãi chưa trả. Bà H không yêu cầu anh L1, chị L trả nợ trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng và tài sản, nợ nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1 và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và nuôi con*”.

Bà H có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có khai mua xe trả góp, bằng hình thức vay tiền của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn HD SAIGON. Nhưng đến ngày 26/10/2021 chị L đã thanh toán dứt nợ nên Tòa án không cần đưa Công ty vào tham gia tố tụng.

[2] Năm 2016 anh L1 và chị L cưới nhau và đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị L và anh L1 xảy ra mâu thuẫn; theo chị L thì mâu thuẫn đã diễn ra nhiều năm, chủ yếu tiền bạc, mâu thuẫn trầm trọng là khi phát hiện anh L1 bị bệnh HIV, lúc đó anh L1 cho rằng do chị L làm lây bệnh cho anh L1. Từ đó, chị L không sống chung với anh L1 mà về nhà cha mẹ ruột ở. Anh chị đã sống ly thân từ Tết Nguyên đán năm 2021 cho đến nay.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, việc hàn gắn rất khó khăn, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng chị L cương quyết ly hôn nên hòa giải không thành; mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị cho chị L được ly hôn với anh L1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn với anh L1.

[3] Về con chung: Anh chị có một người con chung là L3, sinh ngày 01/11/2018, hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con, anh L1 cũng yêu cầu được nuôi con vì cho rằng chị L nuôi con anh muốn thăm con rất khó khăn.

Thấy rằng, từ trước đến nay cháu L3 sống chung với chị L, được chị L nuôi dạy tốt. Hiện nay chị L cũng có việc làm ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Anh L1 làm nghề xây dựng, thường xuyên đi làm xa, vắng nhà, ít có điều kiện chăm sóc con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao

L3 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về nợ chung: Anh L1, chị L và bà H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L1. Chị L được ly hôn với anh L1.

2- Về con chung: Giao cháu L3 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị L vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh L1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004882 ngày 07/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Chị L và anh L1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận